



CIVIL ENGINEERING (English program 4+0)

From Intake 2015 onwards

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|-----------------------|---------------------|----------|
| Pre | 1 | K n ng m m | Soft Skills | 2 |
| Pre | 2 | Giáo d c th ch t 1 | Physical Training 1 | 0 |
| Total Credits | | | | 2 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|-----------------------|--------------------|----------|
| 1 | 1 | Anh v n 1 | English 1 | 2 |
| 1 | 2 | Anh v n 2 | English 2 | 2 |
| Total Credits | | | | 4 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|-----------------------|--------------------|----------|
| 2 | 1 | Anh v n 3 | English 3 | 2 |
| 2 | 2 | Anh v n 4 | English 4 | 2 |
| Total Credits | | | | 4 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|------------------------|-----------------------------|-----------|
| 3 | 1 | Giáo d c th ch t 2 | Physical Training 2 | 0 |
| 3 | 2 | i s | Linear Algebra | 3 |
| 3 | 3 | Gi i tích 1 | Calculus 1 | 4 |
| 3 | 4 | V t lý 1 | Physics 1 | 4 |
| 3 | 5 | Nh p môn v K thu t | Introduction to Engineering | 3 |
| 3 | 6 | Thí nghi m V t Lý | Physics Lab. | 1 |
| 3 | 7 | Con ng i và môi tr ãng | Humans and The Environment | 3 |
| Total Credits | | | | 18 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|--------------------------|---------------------------|-----------|
| 4 | 1 | Giáo d c th ch t 3 | Physical Training 3 | 0 |
| 4 | 2 | Gi i tích 2 | Calculus 2 | 4 |
| 4 | 3 | V t lý 2 | Physics 2 | 4 |
| 4 | 4 | Hóa i c ãng | General Chemistry | 3 |
| 4 | 5 | V k thu t xây d ãng | Civil Engineering Drawing | 3 |
| 4 | 6 | C h c lý thuy t | Engineering Mechanics | 3 |
| 4 | 7 | Giáo d c qu c phòng (LT) | Military Training A | 0 |
| 4 | 8 | Giáo d c qu c phòng (TH) | Military Training B | 0 |
| Total Credits | | | | 17 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|--------------------------------|--------------------------------------|-----------|
| 5 | 1 | Nguyên lý c b n CN Mác - Lênin | Basic principles of Marxism-Leninism | 5 |
| 5 | 2 | Xác su t th ng kê | Probability and Statistics | 3 |
| 5 | 3 | S c b n v t li u | Strength of Materials | 3 |
| 5 | 4 | Tr c a i c ng | Basis of surveying | 3 |
| 5 | 5 | <i>1 môn t ch n A1</i> | <i>1 elective courses A1</i> | 3 |
| Total Credits | | | | 17 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|----------------------------|----------------------------------|-----------|
| 6 | 1 | Ph ng pháp tính | Numerical Analysis | 3 |
| 6 | 2 | C h c k t c u | Mechanics of Structures | 4 |
| 6 | 3 | V t li u xây d ng | Construction Materials | 3 |
| 6 | 4 | a ch t công trình | Engineering Geology | 2 |
| 6 | 5 | K t c u bê tông c t thép 1 | Reinforced Concrete Structures 1 | 3 |
| 6 | 6 | Th c t p k thu t | | 1 |
| Total Credits | | | | 16 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|----------------------------|---|-----------|
| 7 | 1 | ng l i CM ng CSVN | Revolutionary policies of The Vietnam communist party | 3 |
| 7 | 2 | C h c t | Soil Mechanics | 4 |
| 7 | 3 | C l u ch t | Fluid Mechanics | 3 |
| 7 | 4 | K t c u bê tông c t thép 2 | Reinforced Concrete Structures 2 | 3 |
| 7 | 5 | K t c u thép 1 | Steel Structures 1 | 2 |
| 7 | 7 | 1 môn t ch n A2 | 1 elective courses A2 | 3 |
| Total Credits | | | | 18 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|---------------------------|-----------------------------------|-----------|
| 8 | 1 | T t ng H Chí Minh | HoChiMinh Ideology | 2 |
| 8 | 2 | N n móng | Foundation Engineering | 3 |
| 8 | 3 | K thu t thi công | Construction Equipment and Method | 3 |
| 8 | 4 | Ph ng pháp ph n t h u h n | Finite Element Method | 3 |
| 8 | 5 | K t c u thép 2 | Steel Structures 2 | 3 |
| 8 | 6 | Th c t p t nghi p | Internship | 3 |
| Total Credits | | | | 17 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|------|-----|--------------------------|-------------------------|--------|
| 9 | 1 | c ng lu n v n t t nghi p | | 0 |
| 9 | 2 | C p thoát n c | Water supply & Sewerage | 2 |
| 9 | 3 | Công trình trên t y u | Soft soil engineering | 3 |

| | | | | |
|----------------------|---|------------------------|-----------------------------------|-----------|
| 9 | 4 | Thí nghiệm công trình | Structural Testing | 1 |
| 9 | 5 | T ch c thi công | On - site Construction Management | 4 |
| 9 | 6 | <i>2 môn t ch n A3</i> | <i>2 elective courses A3</i> | 6 |
| Total Credits | | | | 16 |

| Sem. | No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|----------------------|-----|---------------------------|--------------------------------|-----------|
| 10 | 1 | Lu n v n t t nghi p | Thesis | 9 |
| 10 | 2 | Pháp lu t Vi t Nam i c ng | Introduction to VN Law Systems | 2 |
| 10 | 3 | <i>1 môn t ch n A4</i> | <i>1 elective courses A4</i> | 3 |
| Total Credits | | | | 14 |

| | |
|-------------------------------|------------|
| Total Credits of Major | 143 |
|-------------------------------|------------|

Note: 1 môn t ch n A1 (1 elective course A1):

| No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|-----|-----------------------|---------------------|--------|
| 1 | Hóa vô c | Inorganic chemistry | 3 |
| 2 | Sinh h c i c ng | Biology | 3 |

Note: 1 môn t ch n A2 (1 elective course A2):

| No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|-----|--|---|--------|
| 1 | Nguyên lý v qu n lý và kinh t xây d ng | Principles of Construction Economics and Management | 3 |
| 2 | Lu t và Kinh t xây d ng | Construction Economics and Laws | 3 |

Note: 2 môn t ch n A3 (1 elective course A3):

| No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|-----|------------------------------|----------------------------------|--------|
| 1 | K t c u bê tông c t thép 3 | Reinforced Concrete Structures 3 | 3 |
| 2 | Nhà nhi u t ng | Tall Buildings | 3 |
| 3 | K t c u bê tông ng su t tr c | Prestressed Concrete Structures | 3 |
| 4 | ng l ch c k t c u | Dynamics of Structures | 3 |
| 5 | Ki n trúc | | 3 |
| 6 | Qu n lý d án xây d ng | Construction Project Management | 3 |

Note: 1 môn t ch n A4 (1 elective course A4):

| No. | Subjects (Vietnamese) | Subjects (English) | Credit |
|-----|-------------------------|---------------------|--------|
| 1 | Thông gió | Ventilation | 3 |
| 2 | Quy ho ch ô th b n v ng | Urban Planning | 3 |

| | | | |
|---|---------------------------------|--|---|
| 3 | K t c u thép công trình cao | High-rise Steel Structures | 3 |
| 4 | H h ng s a ch a công trình | Maintenance, Repair and Renovation of Structures | 3 |
| 5 | Tin h c trong qu n lý xây d ñng | Quantitative Analysis in Construction Management | 3 |